

F1-SD

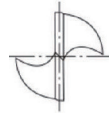
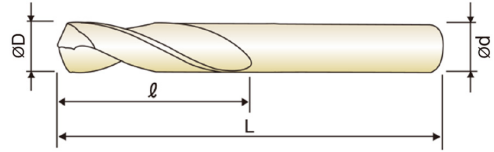
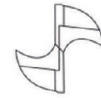


Mũi khoan F1

F1 Premium Drills



- * Chống mài mòn vượt trội nhờ sử dụng vật liệu luyện kim bột cao cấp.
- * Thiết kế mũi đặc biệt, không cần lấy tâm trước khi khoan.
- * Giảm độ lệch hướng và nâng cao độ chính xác của lỗ khoan.
- * Tăng tuổi thọ dao nhờ lớp phủ hiệu suất cao.


 $d_1 \leq 1.4\text{mm}$

 $d_1 > 1.4\text{mm}$

Units : mm

	OD (D)	LOC (ℓ)	SD (d)	OAL (L)	Retail Price (VND)	OD (D)	LOC (ℓ)	SD (d)	OAL (L)	Retail Price (VND)
Dao Doa Reamers	1	6	3	38	-	3.6	20	4	52	-
	1.1	7	3	39	-	3.7	20	4	52	-
	1.2	8	3	40	-	3.8	22	4	54	-
Dao Phay SUPER Coating	1.3	8	3	40	-	3.9	22	4	54	-
	1.4	9	3	41	-	4	22	4	54	-
	1.5	9	3	41	-	4.1	22	6	66	-
	1.6	10	3	42	-	4.2	22	6	66	-
	1.7	10	3	42	-	4.3	24	6	68	-
Dao Phay SUPER PRO	1.8	11	3	43	-	4.4	24	6	68	-
	1.9	11	3	43	-	4.5	24	6	68	-
	2	12	3	44	-	4.6	24	6	68	-
	2.1	12	3	44	-	4.7	24	6	68	-
	2.2	13	3	45	-	4.8	26	6	70	-
Dao Phay HSSCo8	2.3	13	3	45	-	4.9	26	6	70	-
	2.4	14	3	46	-	5	26	6	70	-
	2.5	14	3	46	-	5.1	26	6	70	-
	2.6	14	3	46	-	5.2	26	6	70	-
Dao Phay Diamond Coating	2.7	16	3	48	-	5.3	26	6	70	-
	2.8	16	3	48	-	5.4	28	6	72	-
	2.9	16	3	48	-	5.5	28	6	72	-
	3	16	3	48	-	5.6	28	6	72	-
	3.1	18	4	50	-	5.7	28	6	72	-
Phụ lục Appendix	3.2	18	4	50	-	5.8	28	6	72	-
	3.3	18	4	50	-	5.9	28	6	72	-
	3.4	20	4	52	-	6	28	6	72	-
	3.5	20	4	52	-	6.1	31	8	75	-

F1-SD



Mũi khoan F1

F1 Premium Drills

Units : mm

OD (D)	LOC (Ø)	SD (d)	OAL (L)	Retail Price (VND)	OD (D)	LOC (Ø)	SD (d)	OAL (L)	Retail Price (VND)
6.2	31	8	75	-	9.7	43	10	93	-
6.3	31	8	75	-	9.8	43	10	93	-
6.4	31	8	75	-	9.9	43	10	93	-
6.5	31	8	75	-	10	43	10	93	-
6.6	31	8	75	-	10.1	43	12	100	-
6.7	31	8	75	-	10.2	43	12	100	-
6.8	34	8	78	-	10.3	43	12	100	-
6.9	34	8	78	-	10.4	43	12	100	-
7	34	8	78	-	10.5	43	12	100	-
7.1	34	8	78	-	10.6	43	12	100	-
7.2	34	8	78	-	10.7	47	12	104	-
7.3	34	8	78	-	10.8	47	12	104	-
7.4	34	8	78	-	10.9	47	12	104	-
7.5	34	8	78	-	11	47	12	104	-
7.6	37	8	81	-	11.1	47	12	104	-
7.7	37	8	81	-	11.2	47	12	104	-
7.8	37	8	81	-	11.3	47	12	104	-
7.9	37	8	81	-	11.4	47	12	104	-
8	37	8	81	-	11.5	47	12	104	-
8.1	37	10	87	-	11.6	47	12	104	-
8.2	37	10	87	-	11.7	47	12	104	-
8.3	37	10	87	-	11.8	47	12	104	-
8.4	37	10	87	-	11.9	51	12	108	-
8.5	37	10	87	-	12	51	12	108	-
8.6	40	10	90	-	12.1	51	12	108	-
8.7	40	10	90	-	12.2	51	12	108	-
8.8	40	10	90	-	12.3	51	12	108	-
8.9	40	10	90	-	12.4	51	12	108	-
9	40	10	90	-	12.5	51	12	108	-
9.1	40	10	90	-	12.6	51	12	108	-
9.2	40	10	90	-	12.7	51	12	108	-
9.3	40	10	90	-	12.8	51	12	108	-
9.4	40	10	90	-	12.9	51	12	108	-
9.5	40	10	90	-	13	51	12	108	-
9.6	43	10	93	-					

Mũi Khoan Index
Mũi Taro Taps
Mũi Khoan Drills
Dao Doa Reamers
Dao Phay SUPER Coating
Dao Phay SUPER PRO
Dao Phay HSSCo8
Dao Phay Diamond Coating
Phụ lục Appendix

F1-SD



Mũi khoan F1

F1 Premium Drills

Units : mm

OD (D)	LOC (Ø)	SD (d)	OAL (L)	Retail Price (VND)	OD (D)	LOC (Ø)	SD (d)	OAL (L)	Retail Price (VND)
1.05	6	3	38	-	3.55	20	4	52	-
1.15	7	3	39	-	3.65	20	4	52	-
1.25	8	3	40	-	3.75	20	4	52	-
1.35	9	3	41	-	3.85	22	4	54	-
1.45	9	3	41	-	3.95	22	4	54	-
1.55	10	3	42	-	4.05	22	6	66	-
1.65	10	3	42	-	4.15	22	6	66	-
1.75	11	3	43	-	4.25	22	6	66	-
1.85	11	3	43	-	4.35	24	6	68	-
1.95	12	3	44	-	4.45	24	6	68	-
2.05	12	3	44	-	4.55	24	6	68	-
2.15	13	3	45	-	4.65	24	6	68	-
2.25	13	3	45	-	4.75	24	6	68	-
2.35	13	3	45	-	4.85	26	6	70	-
2.45	14	3	46	-	4.95	26	6	70	-
2.55	14	3	46	-	5.05	26	6	70	-
2.65	14	3	46	-	5.15	26	6	70	-
2.75	16	3	48	-	5.25	26	6	70	-
2.85	16	3	48	-	5.35	28	6	72	-
2.95	16	3	48	-	5.45	28	6	72	-
3.05	18	4	50	-	5.55	28	6	72	-
3.15	18	4	50	-	5.65	28	6	72	-
3.25	18	4	50	-	5.75	28	6	72	-
3.35	18	4	50	-	5.85	28	6	72	-
3.45	18	4	52	-	5.95	28	6	72	-